

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2019/DS-ST

Ngày: 15 - 8 - 2019

Tranh chấp dân sự về “HĐ mua bán tài sản”
và “hợp đồng thuê tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Chiến

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Thái Công Sết

+ Ông Huỳnh Văn Sức

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLST - DS, ngày 14 tháng 01 năm 2019, về Tranh chấp dân sự “Hợp đồng mua bán tài sản” và “Hợp đồng cho thuê tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐST-DS, ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1973

Nơi cư trú: tổ 10, ấp Bình Th, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang

2. *Các bị đơn:* Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1964 và bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1966. Cùng cư trú: tổ 1, ấp Bình Th, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt, bà Đ xin vắng mặt)

NHẬN THẤY:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải anh Nguyễn Thanh T trình bày: Do quen biết nên anh có bán cá giống loại cá nạng hai cho vợ chồng ông Phan Văn T và bà Võ Thị Đ chăn nuôi cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào ngày 16/6/2016 âm lịch (nhằm ngày 19/7/2016) cỡ cá lồng 17 số lượng 127.500 con, giá 2.000 đồng/con, thành tiền 255.000.000 đồng.

+ Lần thứ hai cách lần thứ nhất khoảng 01 tháng (lâu quá không nhớ ngày cụ thể) cỡ cá lồng 20, số lượng 20.500 con, giá 2.200 đồng/con, thành tiền 45.100.000 đồng

Tổng cộng hai lần bán cá cho ông T số tiền 300.100.000 đồng

Khi mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng khi nào phía ông T bán cá thịt thì sẽ trả tiền cho anh. Từ khi giao cá đến nay ông T bán cá nhiều đợt nhưng chỉ thanh toán cho anh 20.000.000 đồng vào ngày 30/01/2019. Đến nay ông T bà Đ còn nợ anh tiền cá giống là 280.100.000 đồng, khi giao cá ông T có ký trong toa hàng ngày 19/7/2016, tại biên bản hòa giải ngày 15/02/2019, anh yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong toa hàng ngày 19/7/2016, nếu phải chữ viết và chữ ký của ông T thì anh yêu cầu trả tiền cá giống là 300.100.000 đồng, nếu không phải thì yêu cầu trả 180.000.000 đồng. Đến ngày 28/4/2019 có kết quả trả lời giám định số 13/KLGT-PC-09 (TL) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận không đủ cơ sở giám định chữ ký và chữ viết họ tên của ông Phan Văn T trong toa hàng ngày 19/7/2016. Anh thống nhất kết quả giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang. Nay anh yêu cầu ông Phan Văn T và bà Võ Thị Đ trả cho anh tiền cá giống còn thiếu là 160.000.000 đồng.

Ngoài ra cũng vào năm 2016 anh có thuê hầm (ao) của ông Út Ch để nuôi cá, thời hạn thuê là 2 năm với giá là 50.000.000 đồng, anh đã trả đủ tiền thuê cho ông Út Ch, sau khi nhận ao anh không nuôi nên cho ông T bà Đ thuê lại với giá và thời hạn như trên. Từ khi thuê đến nay ông T chưa thanh toán tiền thuê hầm lại cho anh.

Nay yêu cầu ông Phan Văn T và bà Võ Thị Đ cùng có trách nhiệm trả cho anh tiền cá giống là 160.000.000 đồng (Vì ông T đã trả 20.000.000 đồng vào ngày 30/01/2019) và tiền thuê hầm 50.000.000 đồng, tổng cộng 210.000.000 đồng.

- Ông Phan Văn T trình bày: vào khoảng năm 2016 ông có mua cá giống của anh T, loại cá nạng hai, cỡ cá lồng 14, số lượng 120.000.000 con, giá 1.500 đồng/con, thành tiền 180.000.000 đồng, khi mua bán hai bên có thỏa thuận sau khi giao cá giống xong thì khoảng 2 đến 3 ngày sau ông trả cho ông T 50.000.000 đồng, số còn lại khi nào ông bán cá thịt sẽ thanh toán đủ. Khoảng 2 ngày sau khi nhận cá ông có trả cho anh T 50.000.000 đồng (không có làm giấy tờ), đến ngày 30/01/2019 ông có trả thêm 20.000.000 đồng, hiện nay ông chỉ còn nợ anh T 110.000.000 đồng. Khi mua cá giống hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ gì.

Cũng vào năm 2016 ông có thuê lại ao mà anh T đã thuê của ông Út Ch, thời hạn 2 năm, giá 25.000.000 đồng/năm, sau khi thuê lại khoảng 01 tháng ông có trả cho

ông T 30.000.000 đồng, sau đó khoảng 01 tháng ông trả tiếp 20.000.000 đồng, hiện nay thời hạn thuê hầm đã hết, ông đã trả hầm lại cho ông Châu và đã trả đủ tiền thuê hầm là 50.000.000 đồng cho anh T. Nay chỉ đồng ý trả cho anh T số tiền cá giống là 110.000.000 đồng, vợ ông là bà Võ Thị Đ không phải có trách nhiệm trả nợ cùng với ông, vì việc mua bán cá chỉ ông với anh T thỏa thuận.

- Bà Võ Thị Đ vắng mặt nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2019 như sau: Việc mua bán cá giữa chồng bà là ông Phan Văn T và anh T như thế nào bà không biết, vì việc chăn nuôi là do ông T trực tiếp làm, bà chỉ ở nhà làm chổi mướn, tiền bạc làm ăn chi tiêu trong gia đình đều do ông T quản lý. Nay anh T yêu cầu bà cùng có trách nhiệm trả nợ với ông T bà không đồng ý.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật,

- Về nội dung: bị đơn thừa nhận có nợ tiền mua bán cá giống là 180.000.000đ, nguyên đơn cho rằng số nợ là 300.100.000đ, nhưng qua thu thập chứng cứ cũng như kết quả trả lời của cơ quan giám định không đủ yếu tố kết luận toa hàng có chữ ký của ông T 300.100.000đ có phải do ông T ký hay không, nhưng ông T đã thừa nhận số nợ mua bán là 180.000.000đ và cho rằng trả 2 lần là 70.000.000đ còn lại 110.000.000đ, Tại phiên tòa anh T rút lại 1 phần yêu cầu trong số tiền mua bán cá giống, anh chỉ yêu cầu 180.000.000đ và anh chỉ thừa nhận có nhận số tiền do ông T trả là 20.000.000đ, ngoài ra không có chứng cứ nào khác vì vậy trong số tiền mua bán cá chỉ đủ cơ sở công nhận số tiền mua bán là 180.000.000đ và bị đơn chỉ trả 20.000.000đ còn nợ 160.000.000đ.

Đối với tiền thuê hầm (ao) tuy các bên trình bày có khác nhau nhưng đều thừa nhận ông T có thuê lại hầm của anh T thuê của ông Châu, ông T cho rằng đã trả tiền đủ, nhưng anh T không thừa nhận, ông T không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc trả tiền thuê hầm nên cần buộc vợ chồng ông T bà Đ trả cho anh T khoản tiền này.

Về trách nhiệm trả nợ bà Đ cho rằng việc giao dịch này là của ông T với anh T bà không biết, nhưng tại phiên tòa ông T thừa nhận mua bán cá, chăn nuôi cá là phục vụ cho việc phát triển kinh tế chung của vợ chồng do đó đủ cơ sở xác định trách nhiệm liên đới của vợ chồng, vì vậy lời nại của bà Đ không có căn cứ chấp nhận.

Về cách trả tại phiên tòa ông T xin trả dần mỗi năm 20.000.000đ là kéo dài thời gian gây thiệt hại quyền lợi cho nguyên đơn, vả lại tại phiên tòa anh T không đồng ý nên không có căn cứ xem xét yêu cầu này của ông T.

Từ những cơ sở nêu trên đề nghị hội đồng xét chấp nhận 1 phần yêu khởi kiện của nguyên đơn là buộc ông T bà Đ trả cho anh T tiền mua bán là 160.000.000đ và tiền thuê hầm (ao) là 50.000.000đ và Đình chỉ 1 phần yêu cầu của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị Đ có yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, đương sự vắng mặt đã cung cấp lời khai, trình bày rõ ý kiến, yêu cầu của mình và việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và hiện nay ông Phan Văn T và bà Võ Thị Đ cư trú xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Phú Tân theo khoản 3; khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tranh chấp tiền mua bán cá giữa các bên là xuất phát từ chỗ quen biết nên anh T bán cá giống cho vợ chồng ông T bà Đ để chăn nuôi. Sau thời gian mua bán, hai bên đã kết toán vợ chồng ông T còn nợ tiền mua bán cá của anh T. Sau khi kết toán không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của người mua. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên về hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do ông T bà Đ không thực hiện nghĩa vụ của người mua là phải trả đúng đủ số tiền mua bán như thỏa thuận nên anh T khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chứng cứ ông T cho rằng đã trả 1 lần 50.000.000đ, nhưng anh T không thừa nhận, ông T không chứng minh được việc trả tiền mua bán cá này nên ông phải trả đủ cho anh T. Tại phiên tòa anh T rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là chỉ đòi tiền mua bán theo lời thừa nhận của ông T do đó hội đồng xét xử chấp nhận và Đình chỉ 1 phần yêu cầu này theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về khoản tiền thuê hầm (ao) các bên đều thừa nhận ông T bà Đ có thuê lại của anh T hầm do anh T thuê của ông Châu về thời gian và tiền thuê đều thống nhất, anh

T cho rằng ông T bà Đ chưa trả tiền, còn ông T cho rằng đã trả 2 lần tương ứng với 50.000.000đ đã xong, nhưng ông không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh việc trả tiền đó, do đó ông T bà Đ phải có trách nhiệm trả tiền thuê lại hầm cho anh T là 50.000.000đ theo quy định tại Điều 472, Điều 475 và Điều 481 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ, bà Đ cho rằng việc giao dịch này là của ông T với anh T bà không biết, nhưng tại phiên tòa ông T thừa nhận mua bán cá, chăn nuôi cá là phục vụ cho việc phát triển kinh tế chung của vợ chồng do đó đủ cơ sở xác định trách nhiệm liên đới của vợ chồng, vì vậy lời nại của bà Đ không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về cách trả tại phiên tòa ông T xin trả dần mỗi năm 20.000.000đ là kéo dài thời gian gây thiệt hại quyền lợi cho nguyên đơn, vả lại tại phiên tòa anh T không đồng ý nên không có căn cứ xem xét yêu cầu này của ông T.

[3] Về chi phí tố tụng: Anh T có yêu cầu giám định chữ ký tên ghi họ tên của ông Phan Văn T trong toa hàng ngày 19/7/2016, nhưng không đủ yếu tố để kết luận giám định nên chi phí phát sinh là 3.020.000đ anh T phải gánh chịu (anh đã nộp xong)

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn T và bà Võ Thị Đ là người phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh T, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 472, Điều 475 và Điều 481 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ vào khoản 3; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 228; Điều 161, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T đối với ông Phan Văn T và bà Võ Thị Đ về “*Hợp đồng mua bán tài sản*” và “*Hợp đồng thuê tài sản*”.

- Buộc ông Phan Văn T và bà Võ Thị Đ phải trả cho anh Nguyễn Thanh T tiền mua bán cá giống là 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền thuê lại hầm

(ao) là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tổng cộng là 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T về hợp đồng mua bán tài sản với ông Phan Văn T và bà Võ Thị Đ

- Chi phí tố tụng: anh Nguyễn Thanh T phải chịu chi phí giám định là 3.020.000đ (ba triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) (anh đã nộp xong)

- Án phí DSST: ông Phan Văn T và bà Võ Thị Đ phải chịu là 10.500.000đ. Anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho anh T 8.750.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005408 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Phan Văn T và bà Võ Thị Đ không thi hành dứt điểm số tiền trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Đ được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt, niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Văn Chiến